

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không

ơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Stt | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|--|--|
| | | Yêu cầu tối thiểu được đánh giá là “Đạt” | Không đạt |
| 1 | Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng | | |
| 1.1 | Đối với các vật tư, vật liệu chính: + Xi măng, cát, đá, sắt thép, CarboncorAsphalt... | - Có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp - Nguồn gốc, xuất xứ của vật tư cung ứng rõ ràng trong thuyết minh BPTC | - Không có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp - Nguồn gốc, xuất xứ của vật tư cung ứng không rõ ràng hoặc không nêu trong thuyết minh BPTC |
| 1.2 | Phòng thí nghiệm LAS-XD | Có Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có chức năng hoạt động thí nghiệm được cơ quan thẩm quyền cấp phép. | Không có Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có chức năng hoạt động thí nghiệm được cơ quan thẩm quyền cấp phép. |
| 2 | Giải pháp kỹ thuật và Biện pháp tổ chức thi công | | |
| 2.1 | Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | - Có giải pháp kỹ thuật tổ chức công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng | - Không bố trí hoặc bố trí không phù hợp với giải pháp kỹ thuật tổ chức công trường không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng |
| 2.2 | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công | - Đề xuất các giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, các | Không đề xuất hoặc đề xuất sơ sài về các giải pháp kỹ |

| | | | |
|----------|---|---|--|
| | các hạng mục công việc của công trình: Gồm các công tác thi công mô tả theo quy mô tại chương V và nội dung trong Bản vẽ thiết kế đính kèm e-HSMT | <p>công tác thi công phù hợp với TKBVTC và yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng</p> <p>- Có bản vẽ biện pháp thi công, các công tác thi công phù hợp với yêu cầu kỹ thuật công trình xây dựng</p> | <p>thuật, biện pháp thi công, các công tác thi công phù hợp với TKBVTC và yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng</p> <p>- Không có bản vẽ biện pháp thi công, các công tác thi công phù hợp với yêu cầu kỹ thuật công trình xây dựng</p> |
| 3 | Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường | | |
| 3.1 | Biện pháp tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường | <p>Đề xuất các phương án: Tổ chức quản lý dự án và tổ chức quản lý hiện trường đảm bảo phù hợp với quy mô và tính chất của công trình</p> | <p>Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp về các phương án: Tổ chức quản lý dự án và tổ chức quản lý hiện trường với quy mô và tính chất của công trình</p> |
| 4 | Tiến độ thi công | | |
| 4.1 | Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 12 tháng | <p>Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 12 tháng trong đó có tính đến điều kiện thời tiết</p> | <p>Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 12 tháng, trong đó có tính đến điều kiện thời tiết</p> |
| 4.2 | Biểu tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu bố trí thiết bị thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | <p>Có biểu tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu bố trí thiết bị thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.</p> | <p>Không có biểu tiến độ thi công hoặc biểu đồ nhân lực hoặc biểu bố trí thiết bị thi công, hoặc có Biểu tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu bố trí thiết bị thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.</p> |
| 5 | Biện pháp bảo đảm chất lượng | | |
| 5.1 | Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công | <p>Đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Có thuyết minh về công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng các hạng mục bao gồm trước, trong và sau khi thi công theo đúng tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành..</p> | <p>Không đáp ứng một trong các tiêu chí về biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công được nêu ở trên.</p> |

| | | | |
|----------|---|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh bố trí sơ đồ quản lý chất lượng trong quá trình thi công.. - Có đề xuất biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi mưa bão.. | |
| 5.2 | Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. |
| 6 | An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường | | |
| 6.1 | Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công |
| 6.2 | Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công |
| 6.3 | Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không có biện pháp hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. |
| 7 | Bảo hành, bảo trì và uy tín của nhà thầu | | |
| 7.1 | Thời gian bảo hành | <p>Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng.</p> <p>Giải pháp khắc phục hư hỏng đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian bảo hành công</p> | <p>Thời gian bảo hành thấp hơn 12 tháng.</p> <p>Không có giải pháp khắc phục hư hỏng đảm bảo an toàn giao thông trong thời</p> |

| | | trình | gian bảo hành công trình | |
|-----|--|--|---|--|
| 8. | Uy tín của nhà thầu | | | |
| 8.1 | <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hoạt động đấu thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó (<i>tính từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu</i>)</p> | <p>Nhà thầu có văn bản cam kết và đáp ứng uy tín nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu chưa từng vi phạm các hành vi bị cấm tại Luật Đấu thầu, chưa từng bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu với bất kỳ Chủ đầu tư/Bên có thẩm quyền nào - Không có dự án không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng - Không có dự án có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu | <p>Nhà thầu có văn bản cam kết và đáp ứng uy tín nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu từng vi phạm các hành vi bị cấm của Luật Đấu thầu, Đã từng bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu bởi một hoặc nhiều Chủ đầu tư/Bên có thẩm quyền nhưng đã hết thời gian thi hành hiệu lực xử phạt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia - Không có dự án không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng - Không có dự án có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu | <p>Nhà thầu không có văn bản cam kết và vi phạm uy tín nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu từng vi phạm các hành vi bị cấm của Luật Đấu thầu, Đã từng bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu bởi một hoặc nhiều Chủ đầu tư/Bên có thẩm quyền (<i>đang trong thời gian thi hành hiệu lực xử phạt, được nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</i>); - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng - Có quyết định trúng thầu nhưng nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng - Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. |